

Hoàng Sa Trùng Sa theo Chính sách Trung Quốc

Năm 1939 Nhật Bản phát động Chiến tranh Thái Bình Dương, chiếm 3 đảo ở Hoàng Sa và ra Tuyên Cáo đòi chủ quyền ở Hoàng Sa Trùng Sa. Đây là một hành động xâm lăng vô trang đả kích hèn hạ của Nhật Bản Hoa Nam và Nhật Bản Đông Bắc ở Nam Kinh Thủ tướng Hội. Trước nguy cơ đe dọa an ninh lãnh thổ, Trung Quốc không lên tiếng phản đối. Và như vậy đã khiến cho chủ quyền ở Hoàng Sa Trùng Sa.



Tháng 4-1956, thanh toán quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam theo Hiệp Định Geneva 1954, Trung Quốc chiếm 7 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm An Vĩnh phía đông bắc. Và tháng 1-1974, thanh toán quân đội Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam theo Hiệp Định Paris 1973, Trung Quốc vốn đang toàn lực chiếm 6 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm Lôi Liếm phía tây nam.

Tại Paris Giáo Sĩ Hoàng Xuân Hãn nhận định rằng: “Hoàng Sa là đất của người Việt Nam thế nên. Khi Việt Nam còn chia đôi thì chúng ta không có thể thờ ơ đến vấn đề này”. Do đó muốn giành lại chủ quyền Hoàng Sa Trùng Sa phải có sự đoàn kết quốc dân

trong mặt quốc gia thống nhất.

Từ 1974 đến nay đã 36 năm, thời gian cho biết nhận định này đã tỏ ra không chính xác.

Vì ngày nay đất nước ta đã thống nhất. Và toàn dân ta, với trên 85 triệu người Việt trong và ngoài nước, đã đứng tâm huyết trí đứng lên đấu tranh đòi lại những hải đảo và hải phận đã mất. Vậy mà, theo chiều hướng hiện tại, càng ngày chúng ta càng mất cho quyền lãnh thổ tại Biển Đông Hải. Lý do không phải vì đất nước chúng ta bị qua phân, mà vì chúng ta có mặt chính quyền đi trái lòng dân.

Đứng Công Sơn không cho người dân đứng lên đấu tranh bảo toàn đất tổ và hành sự quyền yêu nước bằng những cuộc biểu dương lòng yêu quê hương và lòng yêu nước trên thế giới làm cho đất nước được lòng quốc tế và cộng đồng nhân loại. Đứng thời gây áp lực buộc kẻ xâm lược phải chùn bước xâm lăng và phải tôn trọng danh dự và chủ quyền của họ. Và phải ngừng vào bàn hội nghị để các cơ quan quốc tế đưa ra những giải pháp công bằng và hợp lý theo tinh thần và bản văn Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển mà Trung Quốc đã ký kết năm 1982 cùng với Việt Nam và 117 quốc gia khác. Công ước này có hiệu lực chấp hành từ năm 1994.

Qua năm 1995 có hơn 170 quốc gia đã ký kết và tham gia Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982. Cũng như Công ước Quốc tế về Nhân quyền Quy định Dân Sự và Chính Trị 1966, đây là mặt văn kiện chính thức và chính sự mà hầu hết các quốc gia trên thế giới phải tôn trọng và thực thi.

Đã có 7 phần nước và 3 phần đất. Nếu có các Công ước Quốc tế cho Con Người thì các lực đưa thì cũng phải có Công ước Quốc tế về Luật Biển cho các Quốc Gia.

Đó là quy tắc tranh chấp với hải phận và hải đảo, phải đất với đất trên 3 bình diện: pháp lý, địa lý và lịch sử. Ở đây, có 3 bình diện được tập trung trong mặt văn kiện duy nhất: Đó là Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển. Công ước này là mặt tài liệu lịch sử và đứng thời là mặt trong những văn kiện pháp lý quan trọng nhất trong lịch sử loài người.

Theo Công ước sẽ phân định chủ quyền hải phận và các hải đảo còn phải căn cứ vào vị trí

địa lý là kho tàng cách tính toán biển.

Hai nguyên tắc hàng đầu của Luật Biển là:

1. Dành cho các quốc gia duyên hải quy định đánh cá và khai thác dầu khí tại vùng biển gần bờ.
 2. Duy trì tự do hàng hải tại vùng biển ngoài hải phận của các quốc gia duyên hải.
- Công ước Luật Biển gồm 200 trang và 400 điều. Đó có một ý niệm rằng quát chúng ta tham chiếu vào 2 điều: Điều 76 về Thềm Lục Địa; và Điều 8 về Biển Lãnh Thổ.

A. Điều 76 về Thềm Lục Địa

Chiều Điều 76 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển các quốc gia duyên hải được hàng quy chế Thềm Lục Địa 200 hải lý (370km) để thăm dò và khai thác dầu khí. Đây là chế quyền tuy nhiên đòi hỏi và được quyền chuyên môn, không tùy thuộc vào điều kiện phải có sự chi phí hoặc, khai phá hay công bố minh bạch. Mọi sự tiến triển chi phí của các quốc gia ngoài bang, dầu có vũ trang hay không, đều bắt buộc pháp, vô giá trị và vô hiệu lực.

Trong Thước Chín II Nhật Bản chi phí Hoàng Sa Trừng Sa thuộc hải phận của các quốc gia duyên hải tại Đông Nam Á như Việt Nam, Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân và Trung Hoa. Sự chi phí này không có giá trị pháp lý. Khi Chiếu Tranh chấp đất các Quốc Gia Đông Minh công nhận Quốc Gia Việt Nam có chế quyền tại các hải đảo Hoàng Sa Trừng Sa trong Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951.

Vùng hải phận của các quốc gia duyên hải gồm có Đường Căn Bản hay Đường Cơ Sở (Baselines) cùng với Biển Lãnh Thổ (Territorial Sea) và Thềm Lục Địa (Continental Shelf) được gọi là Vùng Đặc Quyền Kinh Tế (đánh cá) (Exclusive Economic Zone).

1. Đường Căn Bản thông thường là liên một chuỗi ưu xu hướng thẳng. Vùng biển Việt Nam có nhiều cù lao hay cồn đảo như Cù Lao Chàm tại Quảng Nam, Cù Lao Ré tại Quảng Ngãi, Cù Lao Hòn tại Phan Thiết cùng các đảo Phú Quý, Côn Sơn và Phú Quốc tại miền đông nam và cực nam. Trong trường hợp này Việt Nam có thể vẽ Đường Căn Bản từ 8 đến 15 hải lý (Cù Lao Ré cách biển Quảng Ngãi 12 hải lý).

2. **Biển Lãnh Thổ** rộng 12 hải lý là vùng biển nằm tiếp giáp Đông ng Căn B ra khỏi.

3. **Thềm Lục Địa Pháp Lý** 200 hải lý trùng điệp với Vùng Đông Quyển Kinh T (đánh cá).

4. **Thềm Lục Địa Đông Chết** hay **Thềm Lục Địa M** Rộng có thể đến 350 hải lý. Với một địa chết và địa hình, đáy biển Hoàng Sa là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Việt Nam từ đất liền kéo dài ra ngoài biển. Chiếu Đu 76 Luật Biển, Việt Nam có quyền đặt ra Ban Đông Ranh Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc cho một rộng Thềm Lục Địa Pháp Lý 200 hải lý thành Thềm Lục Địa Đông Chết hay Thềm Lục Địa M Rộng đến 350 hải lý (650km).

Theo các chuyên viên quốc tế như Tiến Sĩ Khoa Học Armand Krempf từ Pháp và các Luật Sĩ Covington và Burling từ Hoa Kỳ, với phương diện khoa học kỹ thuật, Việt Nam có nhu cầu triển vọng đặt ra một rộng Thềm Lục Địa tại các vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa từ 200 hải lý đến một 350 hải lý.

Trong khi chờ đợi Liên Hiệp Quốc đặt ra ranh Thềm Lục Địa M Rộng, ngày nay vùng hải phận luật định của Việt Nam có chiếu rộng 200 hải lý Thềm Lục Địa, rộng 12 hải lý **Biển Lãnh Thổ**, và khoảng 8 hải lý Đông ng Căn B, tổng cộng là 220 hải lý.

Với một Địa Lý

a. **Tọa độ** của Hoàng Sa, đảo Tri Tôn cách Quần Ngãi 135 hải lý, và đảo Hoàng Sa cách cách của Việt Nam 160 hải lý. Như vậy quần đảo Hoàng Sa nằm trong Thềm Lục Địa 200 hải lý và trong hải phận 220 hải lý của Việt Nam.

Tọa độ của Trường Sa, Bãi Thanh Long T Chính và đảo Trường Sa cách cách của Việt Nam từ 150 đến 220 hải lý. Vì vậy Bãi T Chính và đảo Trường Sa nằm trong Thềm Lục Địa 200 hải lý và hải phận 220 hải lý của Việt Nam.

Chiếu Đu 76 Công ước về Luật Biển các hải đảo này thuộc chủ quyền tuy đặt ra của Việt Nam. Bất cứ sự chiếm đóng nào của ngoại bang (như Nhật Bản trước kia và Trung Quốc hiện nay) đều vô giá trị và vô hiệu lực. Hơn nữa, sự xâm chiếm này đi trái với Điều 2 Hiến Chương Liên Hiệp Quốc (cấm bạo hành). Như vậy sự chiếm có do bạo động vũ trang không có giá trị và hiệu lực pháp lý. Vì bạo hành, dù kéo dài bao lâu, cũng không làm mất tính bạo hành của nó. Trong khi đó các đảo Hoàng Sa cách Hoa Lục 270 hải lý, và các đảo Trường Sa cách của Trung Hoa từ 550 đến 800 hải lý nên không nằm trong Thềm Lục Địa Trung Hoa.

Vị trí Địa Ch

Năm 1925, Tiến Sĩ Khoa Học Armand Krempf, Giám Đốc Viện Hải Học Đông Dương, sau 2 năm nghiên cứu vị địa ch (đất đai, cây cỏ và sinh vật), đo đạc và vẽ bản đồ các h i đ o và đáy biển Hoàng Sa, đã lập phúc trình đ k t luận r ng: “Vị m t đ a ch t các đ o Hoàng Sa là thành ph n c a Vi t Nam”. (Geologiquement les Paracels font partie du Vietnam).

Vị m t đ a hình, các đ o Hoàng Sa là m t cao nguyên chìm d i đáy biển n i tiếp l c đ a Vi t Nam. Đ s u nh t t i vùng biển Hoàng Sa là 900m. (Trong quá trình hình thành Biển Đông Hi, m c n c đã rút xu ng 4000m). Ngày nay n u n c biển rút xu ng 900m thì các đ o Hoàng Sa s b i n thành m t dãy hành lang ch y thoải tho i t Tr ng S n qua Cù Lao Ré đ n các đ o Tri Tôn, Hoàng Sa và Phú Lâm. (Phúc Trình Krempf v Hoàng Sa đ c l u tr t i Văn Kh Tr ng Vi n Đông Bắc C Paris).

Trong khi đó t Hoàng Sa v l c đ a Trung Hoa có m t rãnh biển s u t i 2300m. Nh v y, v m t đ a ch t và đ a hình, đáy biển Hoàng Sa không ph i là s tiếp n i t nhiên c a l c đ a Trung Hoa t đ t li n ra ngoài biển. Trong tr ng h p này Trung Hoa không đ c h ng quy ch Th m L c Đ a M R ng.

T i Tr ng Sa cũng v y. T i Bãi Thanh Long T Chính, n i khai thác d u khí, đ s u ch t i 400m, và t i Đ o Tr ng Sa và C n An Bang, đ s u ch t i 200m. Nh v y v m t đ a ch t và đ a hình, đáy biển Tr ng Sa là s tiếp n i t nhiên c a l c đ a Vi t Nam t đ t li n ra ngoài biển. Theo quan đ i m c a các Luật Sĩ Covington và Burling trong B n T ng Trình tháng 6-1995, vùng biển Tr ng Sa có tr i n v ng đ c h ng quy ch Th m L c Đ a M R ng quá 200 h i lý đ n m c 350 h i lý.

Trong khi đó t Tr ng Sa v Hoa L c có m t rãnh biển s u t i 4550m. Nh v y các đ o Tr ng Sa không ph i là s tiếp n i t nhiên c a l c đ a Trung Hoa t đ t li n ra ngoài biển. Và Trung Qu c không đ c h ng quy ch Th m L c Đ a M R ng 350 h i lý. D u sao, trong m i tr ng h p, kho ng cách t Hoa L c t i đ o Tr ng Sa là 750 h i lý (quá xa t m 350 h i lý Th m L c Đ a M R ng n u có).

Tháng 5-2009 là th i h n ch t đ các qu c gia duyên h i đ n p B n Phúc Trình v Th m L c Đ a M R ng căn c vào nh ng y u t khoa h c k thu t do Liên Hi p Qu c n đ nh. Thay vì đ trình h s Th m L c Đ a M R ng, Trung Qu c ch n p t m b n đ hình ch U mà h g i là Biên Thùy Chi n L c c a Trung Qu c. Tuy nhiên “biên thùy” này cách xa b biển Trung Hoa đ n 2000km nên không đ c ch p nh n là biên thùy c a m t l c đ a (Trung Hoa) hay biên thùy

cả mặt hải đảo (Hải Nam). Vì không nêu ra được mặt yếu tố pháp lý, địa lý hay lịch sử nào đáng tin cậy để đòi chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa nên Trung Quốc lý sự rằng vùng hải phận này là Biển Lịch Sử của Trung Quốc từ hàng ngàn năm nay.

B. Điều 8 về Biển Lịch Sử hay Lưỡi Rìu Trung Quốc.

Biển Kinh giới Biển Lịch Sử là Lưỡi Rìu Trung Quốc (nhưng dân gian thường gọi là Lưỡi Bò). Nó chiếm 80% hải phận Biển Đông Nam Á và nằm sát bờ biển các quốc gia duyên hải, cách Quần Ngãi 40 hải lý, cách Phi Luật Tân và Mã Lai 25 hải lý. Nó được đo từ ít nhất 160 hải lý của Thềm Lục Địa Pháp Lý Việt Nam, và 175 hải lý của các Thềm Lục Địa Pháp Lý Phi Luật Tân và Mã Lai. Đây hiển nhiên là sự vi phạm thô bạo Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển dành cho quy định chuyên biệt cho các quốc gia duyên hải được hưởng tối thiểu 200 hải lý Thềm Lục Địa Pháp Lý để thăm dò và khai thác dầu khí, kể cả 12 hải lý Biển Lãnh Thổ nội tiếp Đầm Ngầm Căn Bản từ bờ biển ra khơi.

Ngày nay Thuyết Biển Lịch Sử của Trung Quốc đã bị Luật Pháp và Tòa Án bác bỏ. Theo Tòa Án Quốc Tế “biển lịch sử chỉ là nội hải”.

Chiều Điều 8 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển: “Ngoài trừ trường hợp các quốc gia quần đảo [như Phi Luật Tân hay Nhật Bản], biển lịch sử hay nội hải của một quốc gia nằm trên đất liền, và phía bên trong Đầm Ngầm Căn Bản của Biển Lãnh Thổ” (The International Court of Justice has defined “historic waters as internal waters”. Waters on the landward side of the baseline of the Territorial Sea form part of the internal waters of the State” Art. 8 LOS Convention 1982).

Theo học giả Mark J. Valencia tại Viện Hội Đông Tây Hawaii (East-West Institute) yêu sách của Trung Quốc về Biển Lịch Sử không được Luật Pháp và Tòa Án chấp nhận. Ngày nay càng ngày dư luận quốc tế càng phê phán và chế giễu Lưỡi Rìu Trung Quốc là khôi hài và vô bổ (China’s claim is being increasingly criticized and even ridiculed: China and the South China Sea Disputes, Mark J. Valencia, Oxford University Press. October 1995).

Theo quan điểm của các Luật Sĩ Covington và Burling đăng trên Asian Wall Street Journal tháng 6-1995 “lập trường của Trung Quốc hoàn toàn đi trái với những điều khoản căn bản về Luật Quốc Tế” [như Điều 76 và Điều 8 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển].

Cũng trên Asian Wall Street Journal tháng 7-1995, người viết, nhân danh Hội Luật gia Việt Nam tại California, đã trình bày các nguyên tắc quốc gia trong tổ chức ASEAN bên cạnh những nguyên tắc tranh chấp tại Bì-n Đông Nam Á trên phương diện pháp lý và địa lý.

Theo các quan sát viên quốc tế vẫn thế này đưa ra giải đáp về pháp lý, địa lý và lịch sử cho vấn đề tranh chấp giữa các quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc. Bằng phương pháp tranh nghị để đi đến hòa bình. (Paracels Forum: The Discussion Proceeds for Peace: Asian Wall Street Journal, July 1995)

Như vậy với 3 phương diện pháp lý, địa lý và lịch sử, Trung Quốc không trình được một lý lẽ hay tài liệu đáng tin cậy nào để chứng minh rằng Hoàng Sa Trường Sa thuộc chủ quyền của họ. Với chính sách bá quyền, Đế Quốc Đại Hán đã lặp theo khuôn mẫu trước kia của Đế Quốc La Mã đòi chủ quyền lãnh thổ toàn vùng Bì-n Đông Trung Hoa mà họ gọi là “Bì-n Lịch Sử Của Chúng Tôi!”. Đây là một quan niệm lỗi thời từ hàng ngàn năm nay.

Về điểm này chúng ta nhận thấy nhà cầm quyền Bắc Kinh rằng: Trong thế kỷ này và dẫu ở vòm trời này, không có điều gì, việc gì, hay vấn đề gì là bất khả tranh nghị. Về mặt tinh thần, văn hóa và đạo lý, Trung Quốc không thể nói một đảng làm một nước. Họ phải tôn trọng danh dự quốc gia và chủ quyền của họ trong Công ước.

Họ phải công khai hóa vấn tranh chấp và phải đưa ra trước thanh thiên bạch nhật những tài liệu và quan điểm cho biết tại sao và căn cứ vào đâu mà đòi trước chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia Đông Nam Á tại các thẩm phán đưa ra như đã quy định trong Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Bì-n năm 1982 mà họ đã ký kết tham gia với tư cách một trong Ngũ Cường hội viên thường trực Hội Đồng Bảo An có quyền phủ quyết? Nếu không đưa ra được sự giải thích hợp lý và các cơ sở pháp lý thì Trung Quốc vẫn chỉ là kẻ sai Luật Rừng Xanh theo chủ trương Mạnh Địch Yếu Thua của loài cầm thú. Để trước đó 4/5 Thẩm phán đưa Pháp Lý của Việt Nam, và 7/8 Thẩm phán đưa Pháp Lý của Phi Luật Tân và Mã Lai.

Trung Quốc phải hay biết rằng Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Bì-n 1982 là một văn kiện pháp lý đúng thì là một tài liệu chính xác mà trên 170 quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc phải tôn trọng và thực thi.

Ngoài Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Bì-n, còn có rất nhiều tài liệu lịch sử rút ra từ chính sách Trung Quốc theo đó chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa Trường Sa đã được thừa nhận bởi các quốc gia trên thế giới.

C. Trung Quốc Không Có Chủ Quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa Trường Sa

1. Như đã trình bày, năm 1939, Chính Phủ Trùng Khánh không phn hành vi xâm lăng của Nhật Bản tại Biển Đông Hải và như vậy đã khnc tch quy n lãnh thổ tại Hoàng Sa Trường Sa.

2. Trong Tuyên Cáo Cairo 1943, Tổng Thống Tng Gi i Thch không đòi Hoàng Sa Trường Sa, và như vậy cũng đã khnc tch quy n t i hai quần đ o này.

3. Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951 không th a nh n ch quy n của Trung Quốc t i Hoàng Sa Trường Sa. Trong m t phiên Khoáng Đ i Hội Nghị, Ngoại Trng Liên Xô Andrei Gromyko đ trình Tu Chính Án yêu cầu trao Trường Sa và Hoàng Sa cho Trung Quốc. Tu Chính Án này đã b Đ i Hội bác bỏ v i 46 phi u chng, 3 phi u thu n và 1 phi u trng. Sau đó Th Tng Trn Văn Hu, Trng Phái Đoàn Quốc Gia Việt Nam lên đi n đàn công bố ch quy n của Việt Nam t i Hoàng Sa Trường Sa và không g p s phn kháng nào của 51 quốc gia tham đ Hội Nghị.

4. Chủ Quyền của Việt Nam t i Hoàng Sa Trường Sa đ đ c xác nh n trong Hiệp Đnh Geneva 1954 n i Đi u 4: “Gi i tuy n gi a Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam (Vĩ Tuyến 17) kéo dài ra ngoài h i phn theo m t đng thng góc v i đng ven bi n. Lc lng Liên Hiệp Pháp (g m có Quốc Gia Việt Nam, Pháp và đng minh) ph i rút kh i t t c các h i đ o t i phía Bắc gi i tuy n (Vĩ Tuyến 17). Quân đ i Nhân Dân Việt Nam (Bc Việt) ph i rút kh i t t c các h i đ o t i phía Nam gi i tuy n” (Vĩ Tuyến 17) n i t a l c các quần đ o Hoàng Sa và Trường Sa (t vĩ tuy n 17 đ n vĩ tuy n 7, t Qu ng Tr xu ng Nam Cà Mau). Đ i v i Trung Quốc, Công c Liên Hiệp Quốc v Luật Bi n 1982 và Hiệp Đnh Geneva 1954 là nhng tài li u rút ra t chính s Trung Quốc.

5. Ngoài Công c Liên Hiệp Quốc v Luật Bi n, trong chính s Trung Quốc còn c n “Lch S Trung Quốc Th i Trung C” do Hàn Lâm Vi n Trung Quốc xu t b n t i Đài Bắc năm 1978 trong đó có đ n nh sau: “Su t chi u dài lch s dân t c Trung Hoa không tha thi t đ n đ i đng. Theo nhng tài li u lch s chính thng, th n ho c nhà c m quy n Trung Hoa cũng g i nhng đoàn thám hi m đ n Nhật Bn trong các th k th ba và th hai Trng Công Nguyên, và t i Đông Nam Á, n Đ , Ba T và Đông Phi Châu trong th k 15. Đ m rõ nét nh t là t i Thái Bình Đng có r t ít, n u không nói là không có, nhng v xâm nh p quy mô của Trung Quốc” su t chi u dài lch s t đ i Đ Quốc T n Hán th k th ba Trng C. N. đ n đ i Nhà Thanh t th k 17 đ n th k 20.

Đời Nhà Hán, theo chính sử, trong thế kỷ thế kỷ thứ Trăm C.N., Hán Nguyên Đế (48-33 Trăm C.N) đã rút quân khỏi đất Hán Nam, mãi mãi đời nhà Lý và nhà Tùy vào cuối thế kỷ 6 mới đi quy phục cai trị”. Nếu Nhà Hán đã bỏ Hán Nam thì cũng không chiếm hữu Hoàng Sa Trường Sa, cách Hán Nam từ 150 đến 450 hải lý về phía nam.

Đời Nhà Đường, các sử gia thế kỷ thứ thu thập về những nơi kể đời Giao Châu (Việt Nam) như đời Thập Châu Đường (Nhóm An Vĩnh, Hoàng Sa) trong đó có nhiều từ thế kỷ khi các thuyền người dân có đóng chốt suốt không đi qua đường.

Đời Nhà Tống, trong hai thế kỷ 10 và 11, quân đời Việt đã 3 lần đánh thắng quân Trung Quốc: Lần thứ nhất, năm 981, Lê đời Hành phá đời quân của Lưu Trọng đời Bắc Đường Giang; trong hai năm 1075 và 1076, Lý Thế kỷ Kiết đời đánh thắng quân Nhà Tống đời Quế Đông, Quế Tây và trên sông Nhị Nguyên và sông Phú Lương. Sau 3 phen thất trận, theo trình tâu của hoàng thân Triệu u Nhị Quát, vua Tống Thập Tông đã theo chính sách Tống Võ Ái Nhân (thập trận võ công, thế kỷ xót mặt người, không phải binh lính làm chuyện) đời thà nhận nhận đời lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của đời Việt.

Đời Nhà Nguyên, trong thế kỷ 13, vào những năm 1257, 1284 và 1287, những đời đời Nhà Tống, quân đời Việt đã ba lần đời phòng phá về kế hoạch Nam Tiến của Mông Cổ. Đời thế kỷ này, đời hi hữu kể Thành Cát Hãn, quân Mông Cổ đã thôn tính toàn giới của Á Châu 6 ngàn dặm đời thập Nam Nga và Hung Gia Lợi về phía bắc, và đời Ba Tư về phía nam. Những chỉ thập này của đời Việt đời quân sự thế giới ghi là vô tiền khoáng hậu.

Sau ba phen thất bại, Nhà Nguyên không còn dòm ngó Việt Nam từ trên lập đời đời ngoài đời đời. Và trong các thế kỷ 13 và 14, theo chính sử, quân Mông Cổ không xâm chiếm Hoàng Sa Trường Sa. Sử kiện này đời xác nhận trong cuốn “Tranh Chấp Tiểu Bộ Nam Hoa” của Marwyn Samuels theo đó: “Trong suốt thế kỷ 14 các đời đời thuyền hùng mạnh của Nhà Nguyên có đi tuần tuần, những đời Tiểu Bộ Nam Hoa, Hoàng Sa Trường Sa không bị chiếm đóng và không thu thập quy phục lãnh thổ của Trung Quốc”.

Việt này còn đời xác nhận trong cuốn Nguyên Sĩ đời Lý Chí đời đời sau: “Cùng về Trung Quốc đời Nhà Nguyên về phía Nam chỉ đời đời Hán Nam, và về phía Bắc không quá Sa Mạc Gobi”.

Năm 111 Trước Công Nguyên. Trung Quốc thôn tính nước Nam Việt và đổi tên là Giao Chỉ Bộ. Vùng Biển Đông Hội đồng biển Bộ Việt Nam Thanh Hóa, Nghệ An (Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam) có tên là Giao Chỉ Đông.

Đến đời Nhà Minh, trong bản đồ Mao Khôn, Biển Đông Hội đồng cũng được gọi là Giao Chỉ Đông. Ngoài ra trong các bản đồ Trữnh Hòa Hải Tây Đông và Trữnh Hòa Hàng Hải Đệ cũng không thấy ghi Hoàng Sa Trữnh Sa trên các lộ trình và hội đồng của Trữnh Hòa 7 lần “đi qua Biển Nam Hoa để khai phá Ấn Độ Đông” (to cross the South China Sea and explore the Indian Ocean).

Tới hội đồng bản đồ 15, đến đời vua Lê Thánh Tông (năm 1471), Chiêm Thành đã thu phục lãnh thổ Đệ Việt gồm có lục địa, hội đồng và các hội đồng Hoàng Sa Trữnh Sa. Về việc này Minh Sĩ viết như sau: “Sau khi Chiêm Thành nói: Còn lại đất nước Chiêm có 27 xã, 4 phố, 7 châu, 22 huyện, nay vua An Nam lấy đi chỉ còn 5 xã, 1 Bang Đô Lang (Phan Rang) đất Chân Lạp”.

Lúc này vua Nhà Minh sai sang yêu cầu vua Lê Thánh Tông trả đất cho Chiêm Thành, nhưng Ngài không chịu. (Lý do là vì Minh Chỉ không trả đất Nam Việt Đệ Triều Vũ Đế cho Đệ Việt). Như vậy, bản đồ 15, Hoàng Sa Trữnh Sa nguyên là địa bàn ngụy chiếm của Chiêm Thành, đã thu phục lãnh thổ Đệ Việt. Lịch sử cũng ghi: Năm 1427 Lê Lợi đánh thắng quân Nhà Minh và giành lấy chủ quyền đất nước đã bị Trung Quốc chiếm đoạt từ 20 năm trước (1407).

Đến đời Nhà Thanh, theo bản đồ Hoàng Thanh Nhật Thọ ng Đệ Địa Thọ ng Đệ năm 1894, và cuốn Trung Quốc Địa Lý Học Giáo Khoa Thọ năm 1906, thì đến cuối thế kỷ 19, “lãnh thổ của Trung Quốc chỉ chỉ đến đến Hội Nam tại vĩ tuyến 18”. Sự kiện này được xác nhận trong cuốn Tranh Chấp tại Biển Nam Hoa của học giả Marwyn S. Samuels theo đó, cũng như đến đời Nhà Nguyễn, “không có bằng chứng nào cho thấy nhà Thanh đã sáp nhập các hội đồng [Hoàng Sa Trữnh Sa] vào lãnh thổ Trung Quốc”.

Trong tập Địa Chí Thọ ng Quố ng Đông năm 1731 và cuốn Đệ Thanh Nhật Thọ ng Chí do Quốc Sĩ Quán Trung Hoa soạn năm 1842 cũng không thấy ghi Hoàng Sa Trữnh Sa thuộc hội đồng Trung Quốc.

Trong vòng dân đến Hội Nam cộng đồng trên các tàu ngoại địa ng bộ để trôi giạt vào Hoàng Sa vào những năm 1895-1896, để trả lời văn thư phản kháng của Chính Phủ Anh, Thọ ng Đệ Lịch Quố ng phản như trách nhiệm vì lý do “Hoàng Sa không liên hệ gì đến Trung Quốc”.

Trước những sự thật lịch sử hiển nhiên như vậy Bộ Kinh văn mở như nhận rằng Trung Quốc đã chiếm Hoàng Sa Trữnh Sa từ thế kỷ 15 trong Chuyển Đệ Thọ Sĩ của Trữnh Hòa năm 1413.

Khôi hài và lố bịch hơn nữa, mới đây họ còn quăng bá trên họ hàng truyền hình quốc tế rằng, trong Chuyến Đi Thứ 6, Trừng Hòa đã vượt Thái Bình Dương, đến Đệ Độ và Đệ Tây Độ để khám phá Mỹ Châu năm 1421, trước Christopher Columbus 71 năm (1492)

Sở tuyên truyền dối trá này đã bị lịch sử vạch trần:

Theo cuốn Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ “từ 1405 đến 1433, phái bộ Trừng Hòa đã viếng thăm 37 quốc gia duyên hải từ Thái Bình Dương và đến Đệ Độ. Các địa điểm xa nhất là Vịnh Ba Tư, Biển Hồng Hải về phía tây bắc, và đông Phi Châu về phía cực tây Đệ Độ”. Về lý, theo chính sử Trung Quốc, Chuyến Đi Thứ Sáu của Trừng Hòa chỉ kéo dài 7 tháng (từ tháng 2-1421 đến tháng 9-1421). Trong chuyến đi ngắn ngủi này Trừng Hòa chỉ đi tới Phúc Kiến đến Sumatra (Nam Dương). Không đó hai sĩ quan tùy viên Yang Ching và Hung Pao đã đi ngửa ra đi khi còn cuộc hành trình.

Nghĩa là, trong thế kỷ 15, không có việc Trừng Hòa khám phá Mỹ Châu như Bắc Kinh khoe mẽ. Việc Columbus là người đầu tiên khám phá Mỹ Châu là một sự kiện lịch sử đã được nhân loại ghi nhận từ thế kỷ 6. Vậy mà ngày nay Trung Quốc dám sáo nhảm lịch sử và bóp méo Sử Thuyết. Huống chi việc kiểm soát những hành động như bé không có thể ngăn dân chúng và không thể tức giận một vùng hải phận xa xôi như Hoàng Sa Trường Sa.

Về hai chuyến đi truyền thông cho rằng Trừng Hòa đã khám phá Mỹ Châu năm 1421, và đã chiếm có Hoàng Sa Trường Sa năm 1413, chúng ta chỉ có thể kết luận:

Phải là người Đệ Hán có đủ mưu lược (to gan lớn mật) mới dám lấy những chuyến hoang đường vô稽 làm Sử Thuyết Lịch Sử.

Phê Đỉnh: Luật Pháp và Tranh chấp tại Biển Đông Nam Á

(Văn Thứ ngày 14-7-1995 của Hội Luật gia Việt Nam tại California gửi Tổng Thống Phi Luật Tân Fidel Ramos)

“Nhân danh Hội Luật gia Việt Nam tại California, chúng tôi xin trình bày cùng Tổng Thống và nhân dân tranh chấp tại quần đảo Trường Sa.

7 năm trước đây, năm 1988, có trận hải chiến giữa Việt Nam và Trung Quốc tại vùng biển Trường Sa. Trong dịp này Trung Quốc đòi chủ quyền lãnh thổ tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và đã chiếm một số hải đảo gây nên mâu thuẫn và tranh chấp giữa Trung Quốc với Việt Nam và Phi Luật Tân.

Mới đây Trung Quốc còn lấn chiếm một số cồn, đá, bãi to tại thềm lục địa Phi Luật Tân như Mischief Reef, Half Moon Shoal, Sabina Shoal và Jackson Bank. Hành động này đe dọa an ninh toàn vùng Đông Nam Á và cần trở lại do giao thông tại Biển Nam Hoa.

Từ 3 năm trước đây, năm 1992, Trung Quốc cũng đã xâm chiếm vùng biển tại Bãi Tà Chính (Vanguard Bank) mà hải giới là Bãi Vạn An (Wanan Bei) để tiến hành khai thác dầu khí cho Hãng Crestone. Vùng bãi này nằm trong Thềm Lục Địa Việt Nam cách bờ biển 190 hải lý về phía đông nam.

Phía đông Bãi Tà Chính là quần đảo Trường Sa, đối tượng tranh chấp giữa Trung Quốc, Việt Nam, Phi Luật Tân, Mã Lai, Nam Dương, Brunei và Đài Loan.

Lưu ý rằng Trung Quốc hình chữ U, chiếm 80% Biển Nam Hoa, phía đông giáp Phi Luật Tân, phía tây giáp Việt Nam và phía nam giáp Mã Lai, Brunei và Nam Dương, đi xa nhất cách Hoa Lục 1100 hải lý (2000km). Hành động như vậy Trung Quốc coi Biển Nam Hoa là “nội hải” của họ cũng như Đế Quốc La Mã ngày xưa gọi Địa Trung Hải là “Biển Cửa Chúng Tôi” (Mare Nostrum).

Chiếu thư 57 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, các quốc gia duyên hải có được quyền đánh cá tại Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý.

Chiếu thư 76 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, các quốc gia duyên hải có được quyền thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa kéo dài từ 200 hải lý đến 350 hải lý, nếu vượt quá hình, đáy biển là sườn tiếp nối tự nhiên của nền lục địa (continental margin) tiếp liền ra ngoài biển. Về mặt pháp lý các quốc gia duyên hải đã ký kết hay tham gia Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển đồng ý rằng quy chế thềm lục địa pháp lý 200 hải lý.

Chiếu thư 77 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển các quốc gia duyên hải có chủ quyền tuy nhiên tại thềm lục địa để thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Đây là đặc quyền chuyên môn theo đó không ai có quyền thăm dò và khai thác dầu khí nếu không có sự đồng ý

thuộc mình thì có quyền gia hạn hải. Nhưng quy định này không tùy thuộc vào điều kiện phải có sự chiếm cứ hay công bố mình thì.

Điều 81 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển mà tôi nêu xác nhận chế độ quy định tuy nhiên và được quy định chuyên hải của quyền gia hạn hải trong việc tìm kiếm và khai thác dầu khí, hay ký kết các công tác với các quốc gia để tham vấn hoặc với này.

Chiếu nguyên tắc “các hiệp ước quốc tế phải được tôn trọng”, Điều 26 Công ước Vienna về Luật Hiệp ước (1969) quy định như sau: “Các hiệp ước quốc tế có hiệu lực chấp hành buộc các quốc gia ký kết phải ngay tình tuân thủ”. Ủy Ban Liên Hiệp Quốc về Luật Quốc Tế coi đó là “mặt nguyên tắc căn bản và Luật Hiệp ước, có lẽ là nguyên tắc quan trọng nhất trong công pháp quốc tế”.

Chiếu nguyên tắc về giá trị thông tin của Luật Quốc Tế đối với Luật Quốc Nội, các quốc gia ký kết phải thi hành những quy định họ và nghĩa vụ ghi trong các hiệp ước hay công ước quốc tế. Họ không thể viện dẫn luật quốc nội để khước từ thi hành nghĩa vụ của họ ghi trong các hiệp ước và công ước quốc tế mà họ đã ký kết hay tham gia.

Đó chính là trường hợp của Trung Quốc. Sau khi ký Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982, 10 năm sau, năm 1992, Bộ Kinh ban hành Luật Quốc Gia về Biển (Domestic Law of the Sea) xâm phạm chế độ quy định lãnh thổ tại các Thềm Lớn Đồi của Việt Nam và Phi Luật Tân, cũng như tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nhưng vì phạm luật biển phải được đưa trình Tòa Án Quốc Tế (The Hague) hay các Tòa Án Luật Biển thì tập do Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển.

Muốn giải quyết những mâu thuẫn và tranh chấp về thềm lục địa, vùng hải phận hay hải đảo, các quốc gia được thông qua, trước hết, tuân hành những pháp luật của ôn hòa như điều đình, hòa giải, thương lượng hay trọng tài.

Ngoài ra Tòa Án Quốc Tế cũng có thể quy định giải thích và áp dụng những điều khoản trong Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển có hiệu lực chấp hành từ năm 1994.

Số giới quy định tranh chấp biển không phải pháp ôn hòa hòa giải, thông minh, tài hay tình giúp cho Đông Nam Á không biến thành một vùng tranh chấp thông xuyên như Trung Đông. Với việc sử dụng luật pháp (pháp trị) thay thế việc sử dụng võ lực (phi pháp), Đông Nam Á sẽ có cơ may đổi sang một kỷ nguyên hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Nhân dịp này chúng tôi cũng yêu cầu các quốc gia thành viên trong Hiệp hội Các Quốc gia Đông Nam Á ra quyết định đổi danh xưng Biển Nam Hoa thành Biển Đông Nam Á. Danh xưng Nam Hải chỉ áp dụng cho Trung Quốc. Đối với Việt Nam, nó có tên là Đông Hải. Đối với Tân Gia Ba, Nam Dương, Mã Lai và Brunei, nó là Biển Hải. Đối với Phi Luật Tân nó là Biển Tây.

Hơn nữa danh xưng Biển Nam Hoa có thể biến đổi nên và giới thích sai lệch là Biển của nước Trung Hoa về phía Nam.

Hãy trả Caesar nên gì của Caesar.

Hãy trả Biển Đông Nam Á cho các Quốc gia Đông Nam Á.

Chúng tôi xin cảm ơn sự chú tâm của Tổng Trưởng và bạn đọc này.

*Thay mặt Hội Luật gia Việt Nam tại California
Luật Sĩ Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch*